

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

Số: 217/2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Hàm Thuận Bắc, ngày 15 tháng 6 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số thụ lý số 422/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản nợ chung*”; Quyết định gia hạn số 25/2020/QĐ-GHXX, ngày 18/12/2020; Quyết định Tạm đình chỉ số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/02/2021; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2021; Thụ lý theo yêu cầu độc lập ngày 16/02/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H – sinh năm 1990;

Bị đơn : Ông Nguyễn Thế Ch – Sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H: Ông Lê Văn B, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Phương Thủy, Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1968;

2/ Bà Nguyễn Thị Thu L - sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã C, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

3/ Bà Lê Thị Bích Th – sinh năm 1965;

4/ Ông Nguyễn Thanh L - sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

5/ Ông Nguyễn Ngọc S – sinh năm 1983;

6/ Bà Nguyễn Thị Thúy Ng – sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã D, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

7/ Bà Lê Thị Kim L – sinh năm 1966;

8/ Ông Trần Ngọc S – sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Khoản 2 Điều 57, Điều 58, 59, 60, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Thế Ch.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Bà Nguyễn Thị Mỹ H được quyền tiếp tục nuôi 02 con tên Nguyễn Ngọc Tường V- sinh ngày 04/11/2010 và Nguyễn Ngọc Tường A- sinh ngày 14/8/2017. Bà H không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thế Ch có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- **Về tài sản, nợ chung :**

Giao toàn bộ các tài sản chung của vợ chồng cho ông Nguyễn Thế Ch được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng bao gồm:

+ Diện tích đất thuộc hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 493635 và số CH 493636 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp cùng ngày 07/8/2017 đứng tên ông Nguyễn Thế Ch hiện nay đã hợp thành một thửa có tổng diện tích theo đo đạc hiện trạng là 3.323,9m², bao gồm đất ở nông thôn có diện tích theo đo đạc hiện trạng là 200m². Vị trí khu đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Hi; Phía Tây giáp đường đất; Phía Nam giáp đất ông Đinh Văn M; Phía Bắc giáp đất ông Phạm Ngọc T. Tại Tòa hai bên thống nhất tài sản trên hiện nay có giá trị 3.254.425.350đ; (Có trích đo Bản đồ vị trí khu đất kèm theo);

+ Nhà xưởng đóng gói thanh long(nhà tiền chế) giá 321.184.500đ

+ Mái che khung sắt tiền chế 17.349.150đ

+ Máy rửa thanh long giá 54.000.000đ

+ 01 trạm biến áp 03 pha và hệ thống điện giá 150.000.000đ;

+ Hàng rào khung sắt lưới B40, trụ bê tông xi măng giá 43.041.000đ;

+ Tiền bán xe ô tô tải biển số 86C-00934 giá 90.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản của vợ chồng là 3.930.000.000đ (Ba tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng).

- Ông Nguyễn Thế Ch chịu trách nhiệm trả các khoản nợ chung của vợ chồng bao gồm:

+ Trả cho bà Nguyễn Thị Thúy Ng ông Nguyễn Ngọc S số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng);

+ Trả cho ông Nguyễn Văn T bà Nguyễn Thị Thu L số Tiền vốn 500.000.000đ và lãi 80.000.000đ, Tổng cộng 580.000.000đ (Năm Trăm T mươi Triệu đồng);

+ Trả cho bà Lê Thị Bích Th ông Nguyễn Thanh L số Tiền vốn 200.000.000đ và lãi 20.000.000đ, Tổng cộng 220.000.000đ (Hai Trăm hai mươi Triệu đồng);

+ Trả cho bà Lê Thị Kim L ông Trần Ngọc S số Tiền 230.000.000đ (Hai Trăm ba mươi Triệu đồng).

Tổng cộng số Tiền nợ là 1.330.000.000đ (Một Tỷ ba Trăm ba mươi Triệu đồng).

Ông Nguyễn Thế Ch có Trách nhiệm hoàn Tiền chênh Lch chia Tài sản cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số Tiền là 1.300.000.000đ (Một Tỷ ba Trăm Triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Mỹ H được nhận số Tiền chênh Lch chia Tài sản do ông Nguyễn Thế Ch hoàn Trả là 1.300.000.000đ (Một Tỷ ba Trăm Triệu đồng).

Kể Từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các Trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định Thi hành án) hoặc kể Từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được Thi hành án (đối với khoản Tiền Trả cho người được Thi hành án) cho đến khi Thi hành xong Tất cả các khoản Tiền hàng Tháng bên Thi hành án còn phải chịu khoản Tiền lãi của số Tiền còn lại phải Thi hành án Theo mức lãi suất quy định Tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 493636 diện Tích 425,4m² do Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 07/8/2017 đứng Tên Nguyễn Thế Ch cho ông Nguyễn Thế Ch khi ông Ch Thực hiện nghĩa vụ hoàn Trả đủ số Tiền Trên cho bà H.

Ông Nguyễn Thế Ch có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có Thẩm quyền làm Thủ Tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất Theo quy định.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện về phần Tài sản của vợ chồng đối với các Tài sản và nợ gồm: 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 029531 diện Tích 560m² đất; số BA 472160 diện Tích 326m² đất; CK 995711 diện Tích 281,4m² đất và số nợ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bình Thuận, Quỹ Tín dụng nhân dân Thuận Đức, nợ của bà Hồ Thị B và bà Huỳnh Thị Mỹ L và một số Tài sản khác như bọc, Thùng, ki đựng Thanh long, Tivi, Tủ quần áo, máy Tập Thể dục và nệm cao su.

- Về án phí và Chi phí xem xét, Thẩm định Tại chỗ và định giá Tài sản:

+ *Về án phí:*

Bà Nguyễn Thị Mỹ H Thỏa Thuận chịu 150.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ Thẩm; 25.500.000đồng án phí dân sự phần chia Tài sản; 16.175.000đồng án phí dân sự phần nợ chung. Tổng cộng 41.825.000đồng. Sau khi Trừ đi số Tiền 33.454.000đồng do bà H đã nộp Tạm ứng án phí Theo biên lai Thu Tiền Tạm ứng án phí L phí Tòa án số 0004313 ngày 19 Tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc. Còn lại 8.371.000đồng bà H phải Tiếp Tục nộp.

Ông Nguyễn Thế Ch không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ Thẩm . Ông Nguyễn Thế Ch Thỏa Thuận chịu 25.500.000đồng án phí dân sự phần chia Tài sản; 16.175.000đồng án phí dân sự phần nợ chung. Tổng cộng 41.675.000đồng.

Ông Nguyễn Văn T bà Nguyễn Thị Thu L, ông Nguyễn Thanh L bà Lê Thị Bích Th, ông Nguyễn Ngọc S bà Nguyễn Thị Thúy Ng, ông Trần Ngọc S bà Lê Thị Kim L không phải chịu án dân sự sơ Thẩm.

Hoàn Trả cho bà Lê Thị Kim L số Tiền 7.367.500đồng do bà Liên đã nộp Tạm ứng án phí Theo biên lai Thu Tiền Tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0005940 ngày 16 Tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

+ *Về Chi phí xem xét, Thẩm định Tại chỗ và định giá Tài sản:*

Bà Nguyễn Thị Mỹ H Tự nguyện, Thỏa Thuận chịu 6.869.000đ (Sáu Triệu T Trăm sáu mươi chín nghìn đồng) chi phí xem xét, Thẩm định Tại chỗ và định giá Tài sản. Bà Nguyễn Thị Mỹ H đã nộp đủ 6.869.000đ Tạm ứng chi phí xem xét, Thẩm định Tại chỗ và định giá Tài sản Tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, nên không phải nộp nữa.

Ông Nguyễn Thế Ch, ông Nguyễn Văn T bà Nguyễn Thị Thu L, ông Nguyễn Thanh L bà Lê Thị Bích Th, ông Nguyễn Ngọc S bà Nguyễn Thị Thúy Ng, ông Trần Ngọc S bà Lê Thị Kim L không phải chịu không phải chịu chi phí xem xét Thẩm định Tại chỗ và định giá Tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị Theo Thủ Tục phúc Thẩm.

Quyết định được Thi hành Theo qui định Tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự Thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền Thỏa Thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, Tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án Theo qui định Tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được Thực hiện Theo qui định Tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- UBND Thị Trấn/ xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bạch Tuyết